ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG ĐA MAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:191 /QĐ-UBND	*Đa Mai, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của phường Đa Mai

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐA MAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND thành phố Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 26/12/2022 của Hội đồng nhân dân phường Đa Mai về dự toán thu và phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước phường Đa Mai năm 2024;

Theo đề nghị của bộ phận Tài chính - Kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của UBND phường Đa Mai *(theo các biểu kèm theo Quyết định này).*

Điều 2. Hình thức, thời gian công khai

1. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại bảng niên yết công khai tại bộ phận Một cửa trụ sở UBND phường và cổng thông tin điện tử UBND phường Đa Mai.

- Công khai trên hệ thống loa truyền thanh phường mỗi tuần 02 lần.

2. Thời gian công khai: Thời gian công khai 30 ngày kể từ ngày 29/12/2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng Uỷ ban nhân dân phường, Bộ phận Tài chính - Kế toán, Đài truyền thanh phường và các đơn vị, bộ phận liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để T/h);
- Đảng ủy, HĐND (B/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường;
- Các Tổ chức CT-XH phường;
- Tổ trưởng các tổ dân phố;
- Lưu VP, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngô Quang Tuệ

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐA MAI

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	**6.593.000.000**	**Tổng số chi**	**6.593.000.000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	1.195.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	-
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.537.000.000	II. Chi thường xuyên	6.593.000.000
III. Thu bổ sung	2.913.000.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.423.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	490.000.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	-		
V. Nguồn thực hiện CCTL	356.000.000		
- 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024 thực hiện CCTL	106.000.000		
- Tăng thu dự toán năm 2024 thực hiện CCTL	250.000.000		
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	592.000.000		
Kết dư ngân sách	-		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐA MAI

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2024	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
Tổng số thu		**256.809.000.000**	**6.593.000.000**
I	**Các khoản thu 100%**	**1.195.000.000**	**1.195.000.000**
1	Phí, lệ phí	140.000.000	140.000.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	480.000.000	480.000.000
3	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	575.000.000	575.000.000
-	Thu từ quỹ đất công ích		
-	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất		
-	Thu khác	-	
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**255.614.000.000**	**1.537.000.000**
2.1	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	135.000.000	13.500.000
2.2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.000.000.000	600.000.000
2.3	Thu tiền sử dụng đất	250.000.000.000	-
2.4	Thuế giá trị gia tăng	700.000.000	140.000.000
2.5	Thuế thu nhập cá nhân	2.779.000.000	783.500.000
-	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	167.000.000	33.500.000
-	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương	112.000.000	-
-	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS, nhận thừa kế, nhận quà tặng là bất động sản	2.500.000.000	750.000.000
III	**Nguồn thực hiện CCTL**		**948.000.000**
3.1	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		592.000.000
3.2	Tăng thu dự toán năm 2024 thực hiện CCTL		250.000.000
3.3	10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL		106.000.000
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	-	**2.913.000.000**
6.1	Thu bổ sung cân đối ngân sách		2.423.000.000
6.2	Bổ sung có mục tiêu		490.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐA MAI

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG ĐA MAI NĂM 2024

(Đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2024		
		Tổng số	ĐTPT	TX
Tổng số chi		**6.593.000.000**	**-**	**6.593.000.000**
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	519.000.000	-	519.000.000
1.1	Chi dân quân tự vệ	364.000.000		364.000.000
1.2	Chi trật tự an toàn xã hội	155.000.000		155.000.000
2	Chi văn hóa, thông tin	73.000.000		73.000.000
3	Chi phát thanh, truyền thanh	68.000.000		68.000.000
4	Chi thể dục, thể thao	32.000.000		32.000.000
5	Chi các hoạt động kinh tế	147.000.000	-	147.000.000
5.1	Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp (bao gồm cả thú y)	20.000.000		20.000.000
5.2	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	15.000.000		15.000.000
5.3	Thị chính	40.000.000	-	40.000.000
5.4	Sự nghiệp giao thông	15.000.000		15.000.000
5.5	Sự nghiệp công nghệ thông tin	57.000.000		57.000.000
6	Sự nghiệp môi trường	40.000.000		40.000.000
7	Chi cho công tác xã hội	420.000.000		420.000.000
7.1	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	390.000.000		390.000.000
7.2	Trợ cấp xã hội	30.000.000		30.000.000
8	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.744.000.000	-	4.744.000.000
8.1	Quản lý Nhà nước	4.425.000.000	-	4.425.000.000
-	Ủy ban nhân dân	4.231.760.000	-	4.231.760.000
-	Hội đồng nhân dân	193.240.000		193.240.000
8.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	182.000.000		182.000.000
8.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	68.140.000		68.140.000
8.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	20.890.000		20.890.000
8.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	10.890.000		10.890.000
8.6	Hội Cựu chiến binh	10.890.000		10.890.000
8.7	Hội Nông dân	10.890.000		10.890.000
8.8	Hội chữ thập đỏ	7.650.000		7.650.000
8.9	Hội người cao tuổi	7.650.000		7.650.000
9	Chi khác	22.000.000		22.000.000
10	10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL	106.000.000		106.000.000
11	Chi tạo lập nguồn CCTL	250.000.000		250.000.000
12	Dự phòng	172.000.000		172.000.000